

Số: 211 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

**Về tỷ lệ giảm nghèo đa chiều của các huyện miền núi
giai đoạn 2022 -2025**

*(phục vụ phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 29 - kỳ họp
thường lệ cuối năm 2024 của HĐND tỉnh khóa XIII)*

Theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Kế hoạch số 17/KH-HĐND ngày 08/11/2024 về tổ chức phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 29 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2024) của HĐND tỉnh Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, trên cơ sở nội dung báo cáo của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Báo cáo số 360/BC-SLĐTBXH ngày 19/11/2024; UBND tỉnh báo cáo làm rõ thêm về tỷ lệ giảm nghèo đa chiều trên các huyện miền núi chưa theo kịp tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2022 -2025, cụ thể như sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện tiêu chí nông thôn mới về tỷ lệ nghèo đa chiều (Đối với khu vực thành thị (phường, thị trấn) không thực hiện tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới).

a) Đối với các xã thuộc huyện đồng bằng (khu vực nông thôn): Các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới về tỷ lệ nghèo đa chiều đến năm 2023 có 3/3 xã đạt, tỷ lệ 100%, gồm xã: Bình Thuận, Bình Châu, Bình An thuộc huyện Bình Sơn.

b) Đối với các xã thuộc huyện miền núi (khu vực nông thôn)

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo lĩnh vực Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Qua kết quả rà soát¹, đánh giá và dự kiến các xã có khả năng đạt, không đạt về tiêu chí về nghèo đa chiều cho tất cả các xã trên địa bàn tỉnh nói chung và cho các xã thuộc các huyện miền núi nói riêng theo lộ trình đã đăng ký tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh đến năm 2025².

- Với kết quả dự kiến, dự báo các huyện miền núi đã tổ chức rà soát, đánh giá lại khả năng đạt tiêu chí về tỷ lệ nghèo đa chiều đối với các xã đã

¹ tại Báo cáo số 124/BC-SLĐTBXH ngày 22/5/2023 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

² Đối với các xã thuộc huyện miền núi đã dự kiến, dự báo từ năm 2023: Năm 2022: có 1/1 xã chưa đạt (xã Sơn Linh, huyện Sơn Hà); năm 2023: có 6/7 xã chưa đạt, gồm: Trà Tân (Trà Bồng); Sơn Kỳ, Sơn Trung (Sơn Hà); Ba Liên, Ba Điền, Ba Vì (Ba Tơ). Riêng, xã Trà Giang (Trà Bồng đã đạt); năm 2024: dự kiến có 5/5 xã chưa đạt, gồm: Trà Sơn, Trà Thủy (Trà Bồng); Sơn Thủy, Sơn Giang (Sơn Hà); Ba Ngạc (Ba Tơ); năm 2025: dự kiến có 7/10 xã chưa đạt, gồm: Trà Thanh, Trà Lâm, Trà Hiệp (Trà Bồng); Sơn Dung, Sơn Mùa (Sơn Tây); Ba Tô (Ba Tơ); Long Mai (Minh Long).

đăng ký tại Quyết định số 712/QĐ UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh, cụ thể:

+ Các xã trên địa bàn các huyện miền núi đã đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 đến năm 2023, gồm: Sơn Linh (huyện Sơn Hà); Long Hiệp (huyện Minh Long), Trà Giang (huyện Trà Bồng). Đối với xã Long Hiệp chưa đạt tiêu chí về an ninh trật tự, Trà Giang chưa đạt tiêu chí về trường học nên địa phương đề nghị chuyển sang năm 2024.

+ Các xã đã đăng ký nhưng dự kiến xã sẽ không đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 (trong đó có tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều) nên đề nghị điều chỉnh đưa ra khỏi danh sách đăng ký trong giai đoạn 2022-2025, gồm: Trà Sơn (huyện Trà Bồng); Sơn Giang (huyện Sơn Hà); Ba Ngạc (huyện Ba Tơ) và đề nghị điều chỉnh sang năm sau so với kế hoạch đã giao (*xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà; xã Trà Tân, Trà Giang³, huyện Trà Bồng; xã Ba Liên, Ba Diễn, Ba Vì huyện Ba Tơ; xã Long Hiệp⁴, Long Mai huyện Minh Long*).

- Căn cứ Thông báo số 3815/TB-BNN-VPĐP ngày 28/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tình hình thực tế, khả năng xã đạt chuẩn nông thôn mới theo lộ trình đến năm 2025, UBND tỉnh đã quyết định điều chỉnh chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh.

2. Dự kiến khả năng các xã thuộc huyện miền núi đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới về tỷ lệ nghèo đa chiều đến năm 2025

Dự kiến cụ thể lộ trình các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới đạt tiêu chí về tỷ lệ nghèo đa chiều, sau khi trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ cuối năm 2024 (*theo danh sách xã đã được điều chỉnh tại Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh*) như sau:

a) Kết quả kế hoạch năm 2024 (*theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ cuối năm 2024*): Có 6/6 xã đạt tiêu chí nông thôn mới về tỷ lệ nghèo đa chiều (<13%, các xã đều thuộc diện đặc biệt khó khăn), cụ thể:

- Huyện Sơn Hà: Xã Sơn Kỳ: tỷ lệ 10,31% (*tỷ lệ hộ nghèo 8,53%, tỷ lệ hộ cận nghèo 1,78%*);

- Huyện Trà Bồng: xã Trà Tân: 12,85% (*tỷ lệ hộ nghèo 6,42%, tỷ lệ hộ cận nghèo 4,0%*), xã Trà Giang: đã đạt năm 2023 về tỷ lệ nghèo đa chiều (11,81%);

- Huyện Ba Tơ: xã Ba Liên: 4,23% (*tỷ lệ hộ nghèo 3,97%, tỷ lệ hộ cận*

³ Trà Giang đã đạt tiêu chí nghèo đa chiều năm 2023, do chưa đạt các tiêu chí khác nên chuyển qua năm 2024

⁴ Xã Long Hiệp đã đạt tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2022, do chưa đạt các tiêu chí khác nên chuyển sang qua năm 2024

nghèo 0,26%), xã Ba Điền: 12,49% (tỷ lệ hộ nghèo 6,82%, tỷ lệ hộ cận nghèo 5,67%);

- Huyện Minh Long: xã Long Hiệp: đã đạt tiêu chí nghèo đa chiều năm 2022 (tỷ lệ nghèo đa chiều 10,92%).

b) Kế hoạch năm 2025: Dự kiến có 6/6 xã đạt tiêu chí nông thôn mới về tỷ lệ nghèo đa chiều (*tiêu chí yêu cầu <13% các xã đều thuộc diện đặc biệt khó khăn, riêng xã Ba Vi thuộc khu vực II nên tiêu chí yêu cầu <5%*), cụ thể:

- Huyện Trà Bồng: Trà Thủy: năm 2024 tỷ lệ còn 25,67%, dự kiến năm 2025 giảm còn 12,57% (tỷ lệ hộ nghèo 4,59%, tỷ lệ hộ cận nghèo 7,98%)⁵;

- Huyện Minh Long: xã Long Mai: năm 2024 tỷ lệ còn 16,76%, dự kiến năm 2025 giảm còn 5,69% (tỷ lệ hộ nghèo 3,27%, tỷ lệ hộ cận nghèo 2,42%);

- Huyện Ba Tơ: xã Ba Vi: năm 2024 tỷ lệ 11,47%, dự kiến năm 2025 còn 3,75% (tỷ lệ hộ nghèo 1,53%, tỷ lệ hộ cận nghèo 2,22%);

- Huyện Sơn Hà: xã Sơn Trung: năm 2024 tỷ lệ còn 19,85%, dự kiến năm 2025 giảm còn 2,42% (tỷ lệ hộ nghèo 1,51%, tỷ lệ hộ cận nghèo 0,91%);

- Huyện Sơn Tây: xã Sơn Dung: năm 2024 còn 17,08%, dự kiến năm 2025 còn 3,50% (tỷ lệ hộ nghèo 1,97%, tỷ lệ hộ cận nghèo 1,53%), xã Sơn Mùa: năm 2024 tỷ lệ còn 23,64%, dự kiến năm 2025 còn 6,08% (tỷ lệ hộ nghèo 3,80%, tỷ lệ hộ cận nghèo 2,28%).

Hiện nay, trên địa bàn các huyện miền núi với nguồn lực đầu tư từ 03 Chương trình mục tiêu quốc gia rất lớn nên trong năm 2025 các địa phương đã xây dựng kế hoạch, giải pháp tập trung nguồn lực cho các xã đăng ký về đích nông thôn mới để giảm mạnh tỷ lệ nghèo đa chiều như đã dự kiến (số hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động của các xã chiếm tỷ lệ lớn nên sau khi trừ đi số đối tượng này thì tỷ lệ nghèo đa chiều sẽ đảm bảo theo dự kiến).

Kết quả 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025 về tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều theo Phụ lục đính kèm.

3. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

- Trong quá trình thực hiện tiêu chí nông thôn mới một số xã (xã Trà Sơn, huyện Trà Bồng; xã Sơn Giang, huyện Sơn Hà; xã Ba Ngạc, huyện Ba Tơ) có một số tiêu chí (trong đó có tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều) không có khả năng đạt được đến năm 2025 nên phải điều chỉnh đưa ra khỏi danh sách đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 và một số xã phải chuyển sang năm sau, với nguyên nhân sau:

- Việc các huyện miền núi đăng ký danh sách xã đạt chuẩn nông thôn mới tiêu chí nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh tại thời

⁵ Số hộ giảm của Trà Thủy: Số hộ nghèo giảm 63 hộ, số hộ cận nghèo giảm 110 hộ tại Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện Trà Bồng.

điểm năm 2020 (tỉnh đã đưa ra chỉ tiêu số xã đạt chuẩn nông thôn mới tại: Nghị quyết 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX và Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh) và đến tháng 7/2022 và được UBND tỉnh phê duyệt mục tiêu số xã đạt nông thôn mới vào ngày 04/7/2022 tại Quyết định số 712/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Lúc bấy giờ, trung ương chưa hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá tỷ lệ nghèo đa chiều theo tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 nên các địa phương dựa theo phương pháp xác định, đánh giá tiêu chí nông thôn mới của giai đoạn 2016-2020 là chỉ tính tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã (tỷ lệ hộ nghèo sau khi trừ đi số hộ nghèo không có khả năng lao động) để đăng ký các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí giai đoạn 2022-2025. Đến tháng 18/8/2022 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội mới hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá tiêu chí nghèo đa chiều là tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo (tỷ lệ hộ nghèo cộng với tỷ lệ hộ cận nghèo, sau khi trừ đi số hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động). Do vậy, đến năm 2023 sau khi rà soát tiêu chí nghèo đa chiều trên địa bàn các xã thuộc các huyện miền núi đăng ký về đích nông thôn mới thì tỷ lệ nghèo đa chiều còn rất cao (vì phải cộng thêm tỷ lệ hộ cận nghèo).

- Thực hiện chỉ tiêu trung ương giao về số xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025⁶, sau khi rà soát hầu hết các xã thuộc huyện đồng bằng đều đạt nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 nên việc giao chỉ tiêu cần xét đến các xã thuộc huyện núi và giao chỉ tiêu số xã thuộc huyện miền núi để tổ chức thực hiện. Trong khi đó, đa số các xã miền núi đều thuộc khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ là xã có điều kiện về kinh tế - xã hội xuất phát điểm thấp, có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 (đầu năm 2022) còn rất cao nên quá trình triển khai thực hiện gặp rất nhiều khó khăn (Trà Sơn, huyện Trà Bồng: tỷ lệ hộ nghèo 57,51%, tỷ lệ hộ cận nghèo 14,80%; Sơn Giang (Sơn Hà): tỷ lệ hộ nghèo 34,25%, tỷ lệ hộ cận nghèo 10,27%; Ba Ngạc (Ba Tơ): tỷ lệ hộ nghèo 49,88%, tỷ lệ hộ cận nghèo 11,84%).

- Tiêu chí nghèo đa chiều theo quy định hiện hành chưa đi đôi với các chính sách, dự án giảm nghèo và các chính sách chưa bao phủ nên rất khó tác động đến các chiều thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong khi đó việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo là do thiếu hụt các chỉ số (hộ nghèo thiếu hụt từ 3 chỉ số trở lên, hộ cận nghèo thiếu hụt dưới 3 chỉ số), cụ thể:

+ Về chỉ số thiếu hụt về y tế tại thời điểm rà hộ gia đình tuy có thể bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước đóng nhưng vẫn tính là thiếu hụt về bảo hiểm y tế.

⁶ Chỉ tiêu giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

+ Chỉ số về người phụ thuộc không thể tác động được bằng các chính sách giảm nghèo, bởi vì hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về chỉ số này là hộ gia đình có tổng số người phụ thuộc là trẻ em dưới 16 tuổi, người cao tuổi hoặc người khuyết tật đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng chiếm tỷ lệ trên 50% tổng số khẩu trong hộ. Do đó, không thể tác động để giảm tỷ lệ người phụ thuộc.

+ Chỉ số thiếu hụt về giáo dục cũng không thể tác động, bởi vì trẻ em dưới 16 tuổi tại thời điểm rà soát mà trẻ đi học không đúng độ tuổi thì xác định thiếu hụt về chỉ số này nên không thể tác động để trẻ em đi học cho đúng độ tuổi.

+ Một số chỉ số chưa có chính sách tác động như: hỗ trợ sử dụng internet; hỗ trợ phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin (*ti vi, điện thoại, máy tính...*), nhà tiêu hợp vệ sinh, nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

4. Giải pháp thực hiện trong thời gian đến (bao gồm khu vực miền núi, khu vực đồng bằng, khu vực nông thôn và khu vực thành thị)

Đến năm 2025 tất cả các xã (12 xã) thuộc huyện miền núi đăng ký về đích nông thôn mới tại Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh đều đạt tỷ lệ nghèo đa chiều theo quy định (*các xã thuộc huyện đồng bằng đã về đích nông thôn mới 100%*) theo dự kiến, trong thời gian đến tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy⁷, UBND tỉnh; trong đó, trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đã đề ra như sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chỉ tiêu giảm nghèo đa chiều đến năm 2025 phấn đấu trên địa bàn tỉnh còn 3,67%⁸ và theo chỉ tiêu đã giao cụ thể cho từng địa phương (*trong đó có các huyện miền núi*) theo Kế hoạch số 287-KH/TU ngày 28/6/2024 Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 17/9/2024 về việc thực hiện chỉ tiêu giảm tỷ lệ nghèo đa chiều trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần chỉ đạo tại Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 06/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo trên địa bàn các huyện miền núi; tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi tại Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 06/5/2022 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX, Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh về

⁷ Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 06/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo trên địa bàn các huyện miền núi; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo ở các huyện miền núi của tỉnh.

⁸ Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 2,32%, tương đương số hộ nghèo giảm còn 9.059 hộ, số hộ nghèo có khả năng lao động giảm còn 1.528 hộ. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ cận nghèo xuống còn 1,35%, tương đương số hộ cận nghèo giảm còn 5.271 hộ, số hộ cận nghèo có khả năng lao động giảm còn 1.038 hộ

thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 06/5/2022 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XX. Cụ thể một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã đang triển khai như sau:

+ Phân công trách nhiệm cụ thể cho cấp ủy, chính quyền các cấp, người đứng đầu cấp ủy, đảng viên...để theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện đảm bảo giảm tỷ lệ nghèo đa chiều đề ra; đưa tiêu chí đánh giá, xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với trường hợp cán bộ, đảng viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc có cha, mẹ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Một số cơ quan có ủy viên tham gia Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 chịu trách nhiệm giúp đỡ địa phương trong công tác giảm nghèo và chịu trách nhiệm về chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với địa bàn huyện, thị xã, thành phố được giao nhiệm vụ theo dõi.

+ Đổi mới phương thức tuyển sinh và hình thức đào tạo nghề; liên kết với các doanh nghiệp trong đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; hợp tác với doanh nghiệp trong tiếp nhận và sử dụng lao động sau khi hoàn thành khóa học.

+ Phối hợp với Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp để hỗ trợ giảm các chiều thiếu hụt đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng (nhà ở, nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh, phương tiện tiếp cận thông tin) để đảm bảo các tiêu chí thoát nghèo, thoát cận nghèo;

+ Rà soát, bố trí nguồn lực hợp lý để thực hiện các chính sách giảm nghèo hiện hành; tăng cường nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện cho vay giải quyết việc làm đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các chính sách khác.

+ Rà soát, phân loại cụ thể theo nhóm đối tượng đối với số hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động để xây dựng kế hoạch hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng.

+ Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động nhưng không có đất sản xuất: Định hướng, tư vấn về phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đất đai để sản xuất kinh doanh nâng cao thu nhập cải thiện đời sống.

+ Xây dựng kế hoạch, giải pháp để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; vận động người thân trong gia đình của đối tượng có trách nhiệm chăm sóc, hỗ trợ, nuôi dưỡng cha mẹ, người thân theo quy định của pháp luật; hộ gia đình tự mua sắm, tiếp cận các chỉ số thiếu hụt về nhà tiêu hợp vệ sinh, nước sạch trong sinh hoạt, phương tiện tiếp cận thông tin; thực hiện đa dạng các hình thức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm thay đổi tư tưởng không muốn thoát nghèo để được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và từ

tương hoà mãn với cuộc sống hiện tại không tích cực lao động sản xuất tăng thu nhập cho gia đình...

+ Thực hiện lồng ghép và phát huy tối đa nguồn lực từ 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là nguồn lực hỗ trợ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất để tạo việc làm tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ của hộ nghèo, hộ cận nghèo khi tham gia các dự án phát triển sản xuất của các Chương trình mục tiêu quốc gia (*đối ứng vốn bằng tiền, hiện vật, ngày công*); chuyển dần sang hình thức hỗ trợ khuyến khích, cam kết thoát nghèo, thoát cận nghèo và hỗ trợ để mở rộng quy mô phát triển sản xuất hiện có của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện miền núi theo Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Tỉnh ủy: Xây dựng hệ thống chính trị thực sự vững mạnh; khai thác, sử dụng hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, nguồn lực để phát triển kinh tế bền vững; phát triển kinh tế ngành; đầu tư công trình hạ tầng; thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia...

+ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết việc làm cho lao động thuộc các hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trong tỉnh; tiếp tục triển khai công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Ưu tiên và tạo thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên thuộc chính sách người có công với cách mạng được tiếp cận các dịch vụ xã hội về giáo dục - đào tạo, việc làm, sản xuất.

+ Triển khai thực hiện đảm bảo mục tiêu của Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 theo Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 12/11/2024 của Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

Kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban: VH-XH, Dân tộc HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin553}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

Kết quả thực hiện kế hoạch 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025 xã đạt nông thôn mới về tiêu chí nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025
(Kèm theo Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh)



Kết quả năm 2024																	Dự kiến 2025				
TT	Huyện, TX, TP	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Hộ cận nghèo	Hộ cận nghèo không khả năng lao động	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng tỷ lệ đa chiều (%)	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Hộ cận nghèo	Hộ cận nghèo không khả năng lao động	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng tỷ lệ đa chiều (%)				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=4+7	9	10	11	12	13	14	15	16=13+15				
1	Trà Bồng																				
	Năm 2024																				
	Trà Tân	610	56	18	6,42	43	4,00	6,436	12,85												
	Trà Giang	Đã đạt tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2023 (tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2023 là 11,81%<13%)																			
	Năm 2025																				
2	Trà Thủy	919	85	11	8,15	161	0	17,52	25,67	927	53	11	4,59	74	0	7,98	12,57				
	Son Tây																				
	Năm 2025																				
4	Son Dung	1.280	230	44	15,05	26	0	2,031	17,08	1.312	69	44	1,97	20	0	1,524	3,50				
	Son Múa	839	106	3	12,32	95	0	11,32	23,64	876	40	7	3,80	20	0	2,28	6,08				
3	Son Hà																				
	Năm 2024																				
	Son Kỳ	1.858	185	29	8,53	34	1	1,78	10,31												
	Năm 2025																				
	Son Trung	1.059	122	41	7,96	126	0	11,9	19,85	1.100	57	41	1,51	10	0	0,91	2,42				
4	Ba Tor																				
	Năm 2024																				
	Ba Liên	394	31	16	3,97	9	8	0,26	4,23												
	Ba Diên	494	57	25	6,82	28	0	5,67	12,49												
	Năm 2025																				
	Ba Vì	1.361	122	73	3,80	132	30	7,66	11,47	1.359	70	50	1,53	40	10	2,22	3,75				

TT	Huyện, TX, TP	Kết quả năm 2024										Dự kiến 2025					Tổng tỷ lệ đa chiều (%)
		Tổng số hộ dân	Hộ nghèo	Hộ không có khả năng lao động	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Hộ cận nghèo	Hộ cận không khả năng lao động	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng tỷ lệ đa chiều (%)	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo	Hộ không có khả năng lao động	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Hộ cận nghèo	Hộ cận không khả năng lao động	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	
5	Minh Long																
	Năm 2024																
	Long Hiệp	Đã đạt tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2022 (tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2022 là 10,92%<13%)															
	Năm 2025																
	Long Mai	1.160	196	59	12,44	52	2	4,318	16,76	1.160	95	59	3,27	30	2	2,42	5,69